

Phụ lục 1

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH THÁI BÌNH

Đơn vị: ha, %

TT	Loại đất	Năm 2013		Năm 2015		Biến động tăng(+), giảm(-)	
		Diện tích	Sơ cấu (%)	Diện tích	Sơ cấu (%)	Diện tích	Sơ cấu (%)
	Tổng diện tích	157.079	100	158.635	100	1.556	0,00
I	Đất sản xuất nông nghiệp	93.051	59,24	93.738	59,09	687	-0,15
II	Đất sản xuất lâm nghiệp	1.405	0,89	885	0,56	-520	-0,34
IV	Đất chuyên dùng	28.910	18,40	29.377	18,52	467	0,11
V	Đất ở	13.051	8,31	13.396	8,44	345	0,14
1	<i>Đất ở đô thị</i>	<i>821,6</i>	<i>0,52</i>	<i>853</i>	<i>0,54</i>	<i>31</i>	<i>0,01</i>
2	<i>Đất ở nông thôn</i>	<i>12.230</i>	<i>7,79</i>	<i>12.543</i>	<i>7,91</i>	<i>313</i>	<i>0,12</i>
VI	Đất chưa sử dụng	20.662	13,15	21.239	13,39	577	0,23

Nguồn: Quy hoạch kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình

Phụ lục 2

DÂN SỐ TRUNG BÌNH TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN 2011-2015

Đơn vị: Nghìn người

TT	Địa danh	2011	2012	2013	2014	2015
	Toàn tỉnh	1.785,9	1.787,4	1.788,1	1.788,7	1.789,2
1	TP Thái Bình	185,4	185,5	185,6	185,7	186,6
2	Huyện Quỳnh Phụ	231,6	231,8	231,9	231,9	231,9
3	Huyện Hưng Hà	248,3	248,5	248,6	248,7	248,8
4	Huyện Đông Hưng	232,7	232,9	233,0	233,1	233,2
5	Huyện Thái Thụy	248,5	248,7	248,8	248,9	248,8
6	Huyện Tiền Hải	209,5	209,7	209,8	209,8	209,4
7	Huyện Kiến Xương	211,9	212,1	212,2	212,3	212,1
8	Huyện Vũ Thư	218,0	218,2	218,2	218,3	218,4

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2015

Phụ lục 3

DANH MỤC DI TÍCH CẤP QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÓ KHẢ NĂNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH (Tính đến cuối năm 2015)

Số TT	Tên di tích	Xã	Huyện	Nội dung giá trị di tích	Loại hình	Số quyết định
1	Chùa Keo	Duy Nhất	Vũ Thư	Đây là một ngôi chùa có tổng thể kiến trúc đồ sộ, một danh thắng nghệ thuật hiếm thấy ở vùng châu thổ sông Hồng	KTNT	QĐ 313 ngày 28/4/1962, QĐ số 1419/QĐ -TTG ngày 27/9/2012
2	Khu Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	Tân Hòa	Vũ Thư	Nguyên là nơi sơ tán của Tỉnh Ủy Thái Bình trong thời gian chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thường công 5 tấn cho Đảng bộ và nhân dân Thái Bình 31/12/1966	DTLS	Số 235/VHQĐ 12//12/1986
3	Miếu Hai Thôn	Xuân Hoà	Vũ Thư	Di tích KTNT thời Lê, nơi thờ Lý Nam Đế và hoàng hậu Đỗ Thị Khương	KTNT	Số 235/VHQĐ 12/12/1986
4	Từ đường Nguyễn Kim Nho (Gồm từ đường, phần mộ và chùa Từ Vân)	Bách Thuận	Vũ Thư	Thờ Nguyễn Kim Nho một vị tướng thời Tây Sơn	DTLS	Số 100/VHQĐ 12/01/1989
5	Chùa Phúc Thắng	Song Lãng	Vũ Thư	Chùa là nơi trụ trì của thiền sư Đỗ Đô thời nhà Lý. Là người đặt nền móng cho phái Trúc Lâm - thời Trần	DTLS	Số 100/VHQĐ 12/01/1989
6	Cụm di tích Đình, Đền thôn Bồng Điền	Tân Lập	Vũ Thư	Thờ Quế Hoa - Nữ tướng thời Hai Bà Trưng, có công đánh giặc Đông Hán (năm 40-43)	DTLS	Số 1851/VHQĐ 14/11/1989
7	Cụm đình Mỹ Lộc, Hương Đường, Mỹ Bồng	Việt Hùng	Vũ Thư	Nơi tưởng niệm và lăng mộ các bà: Nguyễn Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Quế Hoa và gia nhân Nguyễn Thị Lan đã mộ quân cùng Hai Bà Trưng khởi nghĩa năm 40- 43	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990

8	Đình - Chùa Bách Tính	Bách Thuận	Vũ Thư	Nơi gặp gỡ và tập hợp lực lượng của Bang Thành, hưởng ứng chiếu Cần Vương chống Pháp. Nơi liên lạc và làm việc của nhiều văn thân lớn của Thái Bình như : Nguyễn Hữu Bản, Nguyễn Hữu Cương, Nguyễn Doãn Cử, Nguyễn Doãn Tụ, Đào Văn Bình..	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
9	Đình Dũng Thuý	Dũng Nghĩa	Vũ Thư	Địa điểm tụ nghĩa của Tú Cao, lãnh tụ của khởi nghĩa Vũ Đình Dũng (thế kỷ 17). Di tích kiến trúc thời Lê	DTLS	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993
10	Đình Thuận An	Việt Thuận	Vũ Thư	Cơ sở của nghị viện Hồ Sỹ Đào và phong trào đấu tranh nghị trường của Đảng năm 1936-1939	DTLS	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993
11	Đình Phương Cáp	Hiệp Hòa	Vũ Thư	Nơi Bác Hồ về làm việc với cán bộ và nhân dân Thái Bình lần cuối 31/12/1966, thưởng công Thái Bình được mùa 5 tấn thóc/ha	DTLS	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993
12	Từ đường Hoàng Công Chất	Nguyên Xá	Vũ Thư	Nơi thờ tưởng niệm thủ lĩnh nông dân Hoàng Công Chất đầu thế kỷ 18.	DTLS	Số 43/VHQĐ 12/7/1999
13	Từ đường Bùi Quang Dũng	Tân Bình	Vũ Thư	Là nơi thờ khai quốc công thần thời Đinh Tiên Hoàng, có công cùng Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 xứ quân	DTLS	Số 43/VHQĐ 12/7/1999
14	Đình An Cố	Thụy An	Thái Thụy	Đây là ngôi đình có giá trị điêu khắc gỗ cuối thế kỷ 17. Nơi thờ vị thần là Phạm Hải thời Hùng Duệ Vương	KTNT	QĐ 313 28/4/1962
15	Khu Lưu niệm đồng chí Nguyễn Đức Cảnh	Thị Trấn Diêm Điền	Thái Thụy	Đ/c Nguyễn Đức Cảnh (1908 - 1932) là một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Tổng công hội đò Bắc Kỳ	DTLS	Số 235/VHQĐ 12/12/1986
16	Cụm di tích lưu niệm danh nhân Quách Đình Bảo, Quách Hữu Nghiêm, từ đường họ Quách,	Thái Phúc, Thái Hà	Thái Thụy	Thám hoa - Quách Đình Bảo và tiến sĩ Quách Hữu Nghiêm là các quan đại thần thời vua Lê Thánh Tông và Lê Hiến Tông có nhiều đóng góp về các mặt như : hình luật, ngoại giao và văn học nghệ thuật thế kỷ 15	DTLS	Số 100/VHQĐ 12/01/1989

	đình Côn Giang					
17	Nhà Lưu niệm Phạm Thế Hiển (Gồm phần mộ và từ đường)	Thụy Phong	Thái Thụy	Đậu tiến sĩ năm 1829. Đại biểu cho tầng lớp nho sĩ kiên quyết chống Pháp. Ông hy sinh tại Phú Yên năm 1861	DTLS	Số 100/VHQĐ 12/01/1989
18	Đình Phất Lộc	Thái Giang	Thái Thụy	Di tích KTNT thế kỷ XVII. Nơi còn bảo lưu nhiều mảng chạm khắc gỗ mang đậm tính chất dân gian	KTNT	Số 100/VHQĐ 12/01/1989
19	Cụm di tích Đền Chòi - chùa Bến, chùa Chi Bò	Thụy Trường	Thái Thụy	Địa điểm lịch sử: Dinh lũy quân đội nhà Trần thế kỷ XIII. Nơi diễn ra trận đánh cửa Đại Bàng năm 1278	DTLS	Số 1851/VHQĐ 14/11/1989
20	Đình Vạn Đồn, Lưu Đồn và Tu Trình	Thụy Hồng	Thái Thụy	Nơi đây là thái ấp Vạn An cũ do Hộ môn Nguyễn Phúc Hiển quản lĩnh, ông xây dựng phòng tuyến Lưu Đồn, nơi làm lễ xuất quân đánh trận Đại Bàng tháng 1/1285 và trận Bạch Đằng 4/1288	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
21	Đền Hệ	Thụy Ninh	Thái Thụy	Nơi thường trú của Trần Hưng Đạo, cửa ngõ vào căn cứ Lộng Khê, Tô Đê, A Sào, Đào Động của nhà Trần. Là công trình kiến trúc nghệ thuật đặc sắc	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
22	Miếu Ba Thôn - chùa Hưng Quốc	Thụy Hải	Thái Thụy	Thờ các tướng lĩnh tham gia giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 xứ quân, nơi kỷ niệm Đê đốc Tạ Hiện lãnh đạo nhân dân chống Pháp (1884-1887) và thờ bà tổ nghề muối ánh Nguyệt	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
23	Đền Hạ Đồng	Thụy Sơn	Thái Thụy	Nơi thờ Quán Bưu Đình, Đặng Công Kỳ là những người đứng lên xây dựng thành lũy chống lại bọn phong kiến Lê - Trịnh	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
24	Miếu Đông	Thái Hồng	Thái Thụy	Miếu là nơi thờ Lê Hựu và Lê Thị Phương tướng của nghĩa quân Lam Sơn. Lưu giữ nhiều cổ vật có giá trị niên đại thời Lê, Nguyễn	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
25	Đình Từ Các	Thái Hòa	Thái Thụy	Căn cứ cuộc khởi nghĩa Lý Bôn chống quân Lương xây dựng nước Vạn Xuân	DTLS	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993

26	Từ và Chùa Hoành Sơn	Thụy Văn	Thái Thụy	Căn cứ chống quân Lương của Hồ tướng quân của Hồ tướng quân Phạm Tu thời Lý Nam Đế	DTLS	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993
27	Đền Hét	Thái Thượng	Thái Thụy	Căn cứ thủy quân của Phạm Ngũ Lão thời Trần.	DTLS	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993
28	Đình Các Đông	Thái Thượng	Thái Thụy	Kiến trúc nghệ thuật thế kỷ XVII thờ Lý Nam Đế và cơ sở tế cờ của đô đốc Tạ Hiện chống Pháp thế kỷ XIX	DTLS	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993
29	Đình Bích Đào	Thái Nguyên	Thái Thụy	Công trình KTNT lớn thờ tiến sỹ Nguyễn Mậu, danh nhân văn hóa thế kỷ thứ X	KTNT	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993
30	Từ Giành	Thụy Văn	Thái Thụy	Thờ thị nữ Phương Dung của công chúa Trần Huyền Trân có công truyền bá nghề đan giành học từ Chiêm Thành về	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
31	Đền Cả	Thụy Hà	Thái Thụy	Nơi tưởng niệm các vị thành hoàng thời An Dương Vương và phúc thần của làng	DTLS	Số 43/VHQĐ 12/7/1999
32	Đình Nho Lâm và Thanh Giám	Đông Lâm	Tiền Hải	Địa điểm tập trung - xuất phát của cuộc biểu tình Nông dân Tiền Hải ngày 14/10/1930	DTLS	Số 235/VHQĐ 12/12/1986
33	Khu Lưu niệm văn thân yêu nước Ngô Quang Bích (gồm từ đường, phần mộ và cây đa Gò Chài	An Ninh	Tiền Hải	Thủ lĩnh phong trào Cần Vương chống Pháp ở Bắc Kỳ cuối thế kỷ XIX	DTLS	Số 235/VHQĐ 12/12/1986
34	Nhà Lưu niệm Bùi Viện (gồm từ đường và phần mộ)	An Ninh	Tiền Hải	Là sĩ phu yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX	DTLS	Số 100/VHQĐ 12/01/1989
35	Đình Tổ, nhà thờ họ Tạ và chùa Thư Điền	Tây Giang	Tiền Hải	Công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị	KTNT	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
36	Chùa Trung, Mã Bụt	Vũ Lăng	Tiền Hải	Cơ sở hoạt động của Tỉnh ủy Thái Bình nơi diễn ra cuộc mít tinh ngày 12/9/1940	DTLS	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993

37	Đình Tiểu Hoàng, đình Ngoại Đê và lăng tưởng niệm Nguyễn Công Trứ	Tây Sơn	Tiền Hải	Nơi thờ và tưởng niệm Nguyễn Công Trứ chỉ huy khẩn hoang năm 1827	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
38	Đình Đông Quách	Nam Hà	Tiền Hải		DTLS	Số 83/QĐVH 10/11/2006
39	Miếu Bắc	Đông Sơn	Đông Hưng	Nơi thờ 04 vị tướng thủy quân của Đinh Bộ Lĩnh thế kỷ X	DTLS	Số 1851/VHQĐ 14/11/1989
40	Cụm di tích Đình và Miếu Hậu Trung, miếu Hậu Thượng	Bạch Đằng	Đông Hưng	Địa điểm lịch sử về cuộc khởi nghĩa Lý Bôn năm 542	DTLS	Số 1851/VHQĐ 14/11/1989
41	Chùa Thiên Quý (chùa Kênh)	Đông Xuân	Đông Hưng	Di tích KTNT với quy mô lớn có hệ thống tượng La Hán có giá trị mỹ thuật	KTNT	Số 1851/VHQĐ 14/11/1989
42	Chùa Đọ	Đông Sơn	Đông Hưng	Là trung tâm Phật giáo thời Lê, hiện còn lưu giữ hàng trăm bản khắc gỗ in kinh Phật và nhiều mảng chạm khắc mang phong cách thời Lê	KTNT	Số 1851/VHQĐ 14/11/1989
43	Đình Cổ Dũng - Đền Nghè	Đông La	Đông Hưng	Di tích KTNT với những mảng chạm, chạm trổ tinh xảo thời Nguyễn	KTNT	Số 1851/VHQĐ 14/11/1989
44	Cụm di tích Đình, Chùa Thượng Liệt	Đông Tân	Đông Hưng	Di tích KTNT, thờ Quỳ Minh công chúa thời nhà Trần	KTNT	Số 1851/VHQĐ 14/11/1989
45	Đình Lưu	Đông Phương	Đông Hưng	Một công trình KTNT chạm khắc tinh xảo, thờ Nam Hải đại vương (Thục An Dương vương)	KTNT	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
46	Từ đường tiến sĩ Đào Vũ Thường	Đông Quang	Đông Hưng	Nhà thờ tiến sĩ Đào Vũ Thường, quan ngự sử hiến sát xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Kinh Bắc và cơ sở Cần Vương của đô đốc Tạ Hiện	DTLS	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993
47	Từ đường Phạm Huy Quang	Đông Sơn	Đông Hưng	Căn cứ khởi nghĩa của phó tướng: Ngự sử Phạm Huy Quang chống Pháp xâm lược	DTLS	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993
48	Đình Tổng Thỏ	Đông Mỹ	TP Thái Bình	Công trình KTNT thờ Nguyễn.	KTNT	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993

49	Đình, Đền, Chùa Bình Cách	Đông Xá	Đông Hưng	Di tích KTNT thời Nguyễn, cơ sở của phong trào Cần Vương chống Pháp	KTNT	Số 2015/VHQĐ 16/12/1993
50	Làng kháng chiến Nguyễn Xá và nghĩa trang liệt sĩ huyện Đông Hưng	Nguyễn Xá	Đông Hưng	Lưu niệm thành tích kháng chiến của xã Nguyễn Xá	DTLS	Số 1140/VHQĐ 31/8/1992
51	Lăng Thái Bảo	Hồng Việt	Đông Hưng	Nơi lưu tích vị Trần triều đại tướng, Tả tham tri nhập nội hành khiển Đỗ Tử Bình, là lăng một vị tướng lĩnh thời Trần duy nhất còn lại trên đất Thái Bình	DTLS	Số 43/VHQĐ 12/7/1999
52	Đình Kênh	Đông Xuân	Đông Hưng	Di tích KTNT thời Nguyễn với quần thể kiến trúc hoành tráng, rộng lớn. Nơi tưởng niệm một công thần khai quốc thời Trần	KTNT	Số 43/VHQĐ 12/7/1999
53	Đền Tiến Trật	Đô Lương	Đông Hưng	Di tích lịch sử tưởng niệm Thái úy Đặng Thiệu Thành	DTLS	Số 43/VHQĐ 12/7/1999
54	Đình Lịch Động	Đông Các	Đông Hưng		DTLS	Số 84/QĐVH 10/11/2006
55	Chùa Đoan Túc	P. Tiên Phong	TP Thái Bình	Địa điểm tập trung lực lượng cách mạng giành chính quyền Thị Xã tháng 8/1945	DTLS	Số 1851/VHQĐ 14/11/1989
56	Từ đường danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn (1726 - 1748)	Độc Lập	Hưng Hà	Nhà bác học lớn nhất Việt Nam trong thời phong kiến	DTLS	Số 235/VHQĐ 12/12/1986
57	Đền Tiên La	Đoan Hùng	Hưng Hà	Thờ Bát Nạn Tướng Quân Vũ Thị Thục vị tướng lĩnh thời Hai Bà Trưng	DTLS	Số 235/VHQĐ 12/12/1986
58	Đền Buộm, Đền Rẫy và nghĩa trang xã Tân Tiến	Tân Tiến	Hưng Hà	Là căn cứ Đa Cương của Vũ Thị Thục (tức Bát Nạn) có đồn Đức Cương, có chùa Am. Nơi Vũ Thị Thục tu hành. Đền Rẫy nơi quan quân làm ruộng, là kho thóc xưa của Vũ Thị Thục và nhiều căn cứ thuộc tổng Quan Bể.	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990

59	Đền Lưu Xá - chùa Bảo Quốc	Canh Tân	Hung Hà	Là phủ đệ xưa của Thái úy Lưu Khánh Đàm, Thái phó Lưu Ba, có nhiều công lao đánh giặc Tống, bình giặc Chiêm	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
60	Lăng tẩm các vua Trần (di chỉ khảo cổ học)	Tiến Đức	Hung Hà	Nơi an nghỉ cuối cùng của các vua Trần: Trần Thái Tông, Trần Thái Tôn, Trần Thánh Tôn, Trần Nhân Tông. Nơi nhà Trần làm lễ hiến tiệc mừng công 3 lần đánh thắng Nguyên Mông.	KCH	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
61	Đền thờ Phạm Đôn Lễ	Tân Lễ	Hung Hà	Nơi thờ Trang nguyên Phạm Đôn Lễ (thời Lê) ông tổ nghề chiếu làng Hới	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
62	Đền Quốc Mẫu, lăng và đình thờ Trần Thủ Độ	Liên Hiệp	Hung Hà	Đền Quốc Mẫu thờ Trần Thị Dung. Lăng và đình thờ Trần Thủ Độ	DTLS	Số 2015/QĐVH 16/12/1993
63	Đình, Miếu và Chùa làng Diệc	Tân Hòa	Hung Hà	Thờ Lưu Lượng là quan Hà Đô xử trị thủy sông Hồng, sông Luộc, sông Hóa thuộc thời Lý Trần	DTLS	Số 2015/QĐVH 16/12/1993
64	Đình Khả	Duyên Hải	Hung Hà	Di tích KTNT thời Nguyễn nơi thờ tướng quân Nguyễn Phúc thời nhà Đinh thế kỷ thứ X	DTLS	Số 2015/QĐVH 16/12/1993
65	Đình và chùa Hú	Hòa Tiến	Hung Hà	Đình, chùa Hú thờ tứ vị thành hoàng đã có công phò Hai Bà Trưng dẹp giặc. Là cơ sở hoạt động của các chiến sĩ cách mạng tiền bối	DTLS	Số 43/QĐVH 12/7/1999
66	Nhà thờ tiến sĩ Nguyễn Tông Quai	Hòa Tiến	Hung Hà	Nơi thờ tiến sĩ Nguyễn Tông Quai (1693 - 1767), một tri thức đại khoa đã có công lao đóng góp cho nền văn học Việt Nam TK XVIII	DTLS	Số 43/QĐVH 12/7/1999
67	Đình và Đền Cổ Trai	Hồng Minh	Hung Hà	Là căn cứ khởi nghĩa của Lý Bôn, hậu cứ bảo vệ phía Nam căn cứ Dạ Trạch - Nam Chu Diên của Triệu Quang Phục.	DTLS	Số 43/QĐVH 12/7/1999
68	Đình Ngừ	Liên Hiệp	Hung Hà		DTLS	Số 87/QĐVH 10/11/2006
69	Đình Thọ Phú	Hồng Minh	Hung Hà		DTLS	Số 85/QĐVH 10/11/2006
70	Nhà Lưu Niệm Nguyễn Mậu Kiến	Vũ Trung	Kiến Xương	Nguyễn Mậu Kiến là nhà văn thân yêu nước nổi tiếng ở Bắc Kỳ.	DTLS	Số 100/VHQĐ 12/01/1989

	(gồm từ đường và phần mộ)					
71	Đình Lai Vi	Quang Minh	Kiến Xương	Địa điểm hoạt động của nghĩa quân Phan Bá Vành và di tích lịch sử cách mạng kháng chiến	DTLS	Số 1851/VHQĐ 14/11/1989
72	Đồn Cả và Đền Mộ Đạo	Vũ Bình	Kiến Xương	Địa điểm đóng quân và khởi nghĩa của Phan Bá Vành	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
73	Nhà thờ văn thân Nguyễn Năng Thố	Vũ Quý	Kiến Xương	Nơi thờ vị thủ lĩnh tiêu biểu của phong trào chống Pháp ở Thái Bình cuối thế kỷ Xī và tưởng nhớ các vị quận công : Xuân Quận Công, Hiền Quận Công, Lãng Quận Công có công khai khẩn đất Kiến Xương vào thế kỷ XVI-XVII	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
74	Đình Thượng Phúc	Quang Trung	Kiến Xương	Lưu niệm sự kiện lịch sử cách mạng kháng chiến	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
75	Đình Luật Nội, đình Luật Ngoại	Quang Lịch	Kiến Xương	Đền Luỹ và phủ Đệ căn cứ Lịch Bái của bà Phương Dung, Quận phu nhân và Thạch Công, tướng quân của Triệu Quang Phục đánh quân xâm lược nhà Lương.	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
76	Đền Đồng Sâm	Hồng Thái	Kiến Xương	Công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị	KTNT	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
77	Cơ sở xứ uỷ Bắc Kỳ (Nhà đ/c Phạm Quang Lịch)	Đình Phùng	Kiến Xương	Cơ sở của đồng chí Hào Lịch trong phong trào cách mạng 1930 - 1932	DTLS	Số 2015/QĐVH 16/12/1993
78	Chùa Lãng Đông	Trà Giang	Kiến Xương	Cơ sở cuộc khởi nghĩa của sư Thụ chống Pháp xâm lược cuối TK Xī	DTLS	Số 2015/QĐVH 16/12/1993
79	Đình Cả (Bình Trật)	An Bình	Kiến Xương	Công trình KTNT thời Nguyễn bảo lưu nhiều cổ vật quý cuối thế kỷ XIX	KTNT	Số 2015/QĐVH 16/12/1993
80	Đền Tổ	Hồng Thái	Kiến Xương	Đền thờ Nguyễn Kim Lâu tổ nghề kim hoàn thời Hậu Lê	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
81	Đền Đồng Bằng	An Lễ	Quyền Phụ	Di tích KTNT đặc trưng cho phong cách chạm khắc gỗ thời Nguyễn với quy mô to lớn, chạm	KTNT	Số 235/VHQĐ 12/12/1986

				khắc tinh sáo		
82	Miếu Hoè Thị	Đồng Tiến	Quỳnh Phụ	Di tích thờ một vị tướng thời Trần. Còn lưu giữ một bức tường gạch hoa thời Lê	DTLS	Số 100/VHQĐ 12/01/1989
83	Đình - Đền - Chùa La Vân, chùa Công	Quỳnh Hồng	Quỳnh Phụ	Di tích KTNT thời Nguyễn. Nơi thờ quốc sư Nguyễn Minh Không thời Lý	KTNT	Số 451/VHQĐ 21/4/1989
84	Đình Đông Linh	An Bài	Quỳnh Phụ	Di tích KTNT. Nơi thờ công thần khai quốc Phạm Bội thời Lê	KTNT	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
85	Đền Lộng Khê	An Khê	Quỳnh Phụ	Di tích KTNT thời Nguyễn, nơi thờ quốc sư Nguyễn Minh Không, Nguyễn Giác Hải và thái úy Lý Thường Kiệt thời Lý	KTNT	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
86	Đền Năm Thôn	Quỳnh Sơn	Quỳnh Phụ	Một công trình kiến trúc nghệ thuật lớn, một kho cổ vật quý hiếm, thờ bà Đinh Thị Tố và con trai bà là Hùng Quang Cảo theo Hai Bà Trưng khởi nghĩa	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
87	Đền Ngọc Quế	Quỳnh Hoa	Quỳnh Phụ	Nơi tưởng niệm Quốc Công Tiết Chế Trần Hưng Đạo. Di tích kiến trúc nghệ thuật thời Lê - Nguyễn	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
88	Đền Hồng Phong	An Tràng	Quỳnh Phụ	Cơ sở đoàn kết lương giáo giữa thế kỷ XIX và phong trào Cần Vương do Phạm Huy Quang lãnh đạo	DTLS	Số 2015/QĐVH 16/12/1993
89	Đình Hiệp Lực	An Khê	Quỳnh Phụ	Đình thờ Lê Đô tướng quân một danh tướng thời Hai Bà Trưng	DTLS	Số 1214/VHQĐ 30/10/1990
90	Miếu Rọc	An Dục	Quỳnh Phụ		DTLS	Số 86/QĐVH 10/11/2006
91	Đình, đền, Bến tượng A Sào	An Thái	Quỳnh Phụ	Thờ Trần Hưng Đạo	LNDN	Số 1258/QĐ-BVHTTDL 14/4/2011
92	Đình Vĩnh Phúc	Quỳnh Trang	Quỳnh Phụ	Di tích KTNT thời Nguyễn, thờ Đào Văn Sâm có công theo vua Trần Nghệ Tông đi đánh giặc	KTNT	Số 3496/QĐ-BVHTTDL 31/10/2011
93	Đình Vạn Phúc	An Ninh	Quỳnh Phụ	Thờ Linh Lang đại vương và Trần Hưng Đạo đại vương, Di tích kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn	KTNT	Số 3498/QĐ-BVHTTDL 31/10/2011

94	Đình Lương Mỹ	Quỳnh Hội	Quỳnh Phụ	Thờ Thiên Quan Minh Thông, Cao Sơn, Ngọc Hoa công chúa, Vũ Đô Phú đại vương, Hồng Ôn đại vương. Di tích KTNT thời Nguyễn	KTNT	Số 1261/QĐ-BVHTTDL 14/4/2011
95	Miếu Tô Đàm	An Mỹ	Quỳnh Phụ	Thờ Nam Hải đại vương. Di tích KTNT thời Nguyễn	KTNT	Số 666/QĐ-BVHTTDL 7/02/2013
96	Đình Sơn Đồng	Quỳnh Giao	Quỳnh Phụ	Thờ Phạm Hoàng - vị thần thời Hùng Vương	KTNT	Số 667/QĐ-BVHTTDL 07/02/2013
97	Đình Xuân Lôi	Hồng Minh	Hung Hà	Thờ Trình Mạc Công, Chu Nương Quang Dung và Lã Công Linh Đạo đại vương là những vị tướng lĩnh thời Hai Bà Trưng. Di tích KTNT thời Nguyễn	KTNT	Số 1259/QĐ-BVHTTDL 14/4/2011
98	Đình, đền Thanh Lãng	Minh Hoà	Hung Hà	Di tích kiến trúc nghệ thuật thời Lê	KTNT	Số 1257/QĐ-BVHTTDL 14/4/2011
99	Đình làng Sơn	Minh Hưng	Kiến Xương	Thờ Nam Hải đại vương (Thục An Dương Vương) và Đông Hải đại vương (Đoàn Thương). Di tích KTNT thời Nguyễn	KTNT	Số 3495/QĐ-BVHTTDL 31/10/2011
100	Đình, đền làng Lại Trì	Vũ Tây	Kiến Xương	Thờ Nguyễn Minh Không- vị quốc sư thời Lý. Di tích KTNT thời Nguyễn	KTNT	Số 1262/QĐ-BVHTTDL 14/4/2011
101	Khu lăng mộ, đền thờ các vua Lê, Hoàng Thái Hậu, Hoàng Hậu giai đoạn 1849-1527	Tân Lễ	Hung Hà	Thờ vua Lê Thánh Tông và Hoàng hậu Phùng Thị Thục Giang. Di tích khảo cổ học	KCH-KTNT	Số 1005/QĐ-BVHTTDL 13/3/2013
102	Miếu Chính	Thụy Trình	Thái Thụy	Di tích KTNT thời Nguyễn	KTNT	Số 3494/QĐ-BVHTTDL 31/10/2011
103	Đền thờ tiến sĩ Đinh Trình	Thái Dương	Thái Thụy	Thờ tiến sĩ Đinh Trình (thời Hậu Lê)	DTLS	Số 3499/QĐ-BVHTTDL 31/10/2011
104	Đình An Tiêm	Thụy Dân	Thái Thụy	Di tích kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn	KTNT	Số 1260/QĐ-BVHTTDL 14/4//2011
105	Đình Đông Dương Thanh	Thụy Dương	Thái Thụy	Thờ các vị thần có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông của nhà Trần	KTNT	Số 665/QĐ-BVHTTDL 07/02/2013

106	Chùa Càn Tu	Đông Dương	Đông Hưng	Thờ tướng quân Lê Điện - có công chống quân xâm lược nhà Lương. Di tích KTNT thời Nguyễn	KTNT	Số 3497/QĐ-BVHTTDL 31/10/2011
107	Từ đường và lăng mộ Lương Quy Chính	Hồng Việt	Đông Hưng	Thờ Thượng thư Lương Quy Chính,	DTLS	Số 3500/QĐ-BVHTTDL 31/10/2011
108	Từ đường và phần mộ Đình Nguyên hoàng giáp Bùi Sĩ Tiêm	Đông Kinh	Đông Hưng	Thờ Đình nguyên hoàng giáp Bùi Sĩ Tiêm (đỗ Tiến sĩ năm 1715)	DTLS	Số 664/QĐ-BVHTTDL 07/02/2013
109	Từ đường và lăng mộ Tiến sĩ Doãn Khuê	Song Lãng	Vũ Thư	Thờ Tiến sĩ Doãn Khuê (đỗ Tiến sĩ năm 1838)	DTLS	Số 668/QĐ-BVHTTDL 07/02/2013
110	Lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Trần	Tiến Đức	Hung Hà	Lăng mộ là nơi yên nghỉ của ba vị vua đầu triều Trần. Đền thờ là ba công trình thờ cúng riêng biệt : Đền vua thờ các vị vua triều Trần; phối thờ những người có công mở nghiệp nhà Trần. Đền Thánh thờ Đức thánh Trần Hưng Đạo, phu nhân cùng các con. Đền Mẫu thờ các vị hoàng hậu, công chúa đầu triều Trần.	DTLS	Sè 2408/QS-TTg ngụy 31/12/2014
111	Khu Lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh tại Nam Cường	Nam Cường	Tiền Hải	Địa điểm Bác Hồ về thăm và thưởng công khai hoang lấn biển cho Đảng bộ và nhân dân Thái Bình năm 1962	DTLS	Sè 3438/QS- BVHTTDL 12/10/2015
112	Từ đường Tiến sĩ Đặng Nghiêm, Tiến sĩ Đặng Diễn	Hiệp Hòa	Vũ Thư	Thờ Tiến sĩ Đặng Nghiêm - người mở đầu truyền thống khoa bảng của vùng Sơn Nam Hạ (đỗ Tiến sĩ năm 1185) và Tiến sĩ Đặng Diễn, đỗ khoa thi đầu tiên của triều Trần (1232)	DTLS	Sè 3439/QS- BVHTTDL 12/10/2015

Nguồn: Sở VH TT & DL Thái bình

Phụ lục 4**DANH MỤC LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CÓ KHẢ NĂNG KHAI THÁC PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH****HỘI THÁNG 1**

TT	TÊN LỄ HỘI	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN	NGUỒN GỐC
1	Hội chợ Giếng	Làng Trình Phố - An Ninh - Tiền Hải	01/1	
2	Hội làng Tống Vũ	Vũ Chính – TP Thái Bình	02/01	
3	Hội Xuân Chùa Keo	Duy Nhất – Vũ Thư	04/01	Thờ Thiên Sư Không Lộ
4	Hội làng La Vân	Đình, chùa làng La Vân, Quỳnh Hồng, Quỳnh Phụ	04/01	Thờ Thiên Sư Nguyễn Minh Không
5	Hội Miếu Ngọc	Đình - Miếu Ngọc, Quỳnh Hồng, Quỳnh Phụ	04/01	Thờ công thần triều Lý là Tô Hữu Thành và tướng quân Phạm Ngũ Lão thời Trần
6	Hội đền Vua Rộc	Vũ An - Kiến Xương	05/1	
7	Hội làng Dương Xá	Đình Dương Xá, Tiến Đức, Hưng Hà	05/1	Thờ tướng quân Trần Nhật Hiệu (Thời Trần)
8	Hội Lạng	Chùa Lạng (Chùa Hội), Song Lãng, Vũ Thư	06/1 (2 năm 1 lần mở hội chính)	Thờ Thiên Sư Đỗ Đô thời Lý
9	Hội làng Hới	Đình Làng Hới, Tân Lễ, Hưng Hà	06/1	Thờ Trạng nguyên Phạm Đôn Lễ (thế kỉ 15), dân gian vẫn gọi là Trạng Chiếu
10	Hội chùa Múa	Đình chùa Múa (Phượng Vũ), Minh Khai, Vũ Thư	06/1	Thờ Thiên Sư Từ Đạo Hạnh
11	Hội Đình Mỹ Bông	Việt Hùng, Vũ Thư	06/1	Tục lễ gắn với tục thờ Hai Bà Trưng
12	Hội đền Mỹ Lộc	Việt Hùng, Vũ Thư	06/1	Thờ chúa Liễu
13	Hội làng Đại An	Đình Đại An, Tụ Tân, Vũ Thư	06/1	Thờ nhân mẫu Minh Giang và Viên Thông Hùng Tứ (chưa rõ lai lịch)
14	Hội chùa Hạc	Minh Khai, Vũ Thư	06/1	
15	Hội làng Tô Xuyên	Đình Tô Xuyên, An Mỹ, Quỳnh Phụ	06/1	Thờ Hưng Nghĩa Hầu, Phò mã nhà Trần
16	Hội làng Ngừ	Liên Hiệp, Hưng Hà	06/1	Thờ Thái Sư Trần Thủ Độ và Linh Từ quốc mẫu Trần Thị Dung (vợ Trần Thủ Độ)
17	Hội làng Khuốc	Liên Hiệp, Hưng Hà	06/1	Thờ Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung
18	Hội Làng Nại	Liên Hiệp, Hưng Hà	06/1	Thờ Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung
19	Hội làng Duyên Nông	Điệp Nông, Hưng Hà	06/1	
20	Hội Làng Thanh Triều	Tân Lễ, Hưng Hà	06/1	
21	Hội Đè Đồng Phú	Đồng Đô, Hưng Hà	06/1	

22	Hội Đền Hét	Thái Thượng, Thái Thụy	08/1	Thờ Phạm Ngũ Lão
23	Hội làng Tuộc	Chùa Tuộc, Phú Lương, Đông Hưng	09/1	
24	Hội Đền Tam Hoa (đền Chòi)	Thụy Trường, Thái Thụy	10/1	
25	Hội làng Bích Đào	Thái Nguyên, Thái Thụy	10/1	
26	Hội Đền Từ Các	Thái Hoà, Thái Thụy	10/1	Thờ Lý Bí
27	Hội làng Hải An	Quỳnh Nguyên, Quỳnh Phụ	10/1	Thờ Đoàn Thượng
28	Hội làng Giăng	Đình Thượng Liệt, Đông Tân, Đông Hưng	10/1	Thờ Minh Công chúa thời Trần
29	Hội chùa Thiên Quý	Đông Xuân, Đông Hưng	10/1	Thờ Phật
30	Hội Phủ Gạch	Đình, chùa Phủ Gạch, Đông Xá, Đông Hưng	10/1 & 10/4	
31	Hội chùa Thiên Phú	Đông Hoàng, Đông Hưng	10/1	
32	Hội Đình Hưng Đạo	Đông Quang, Đông Hưng	10/1	
33	Hội chùa Gia Lễ	Đông Mỹ, Đông Hưng	10/1	
34	Hội Đình Đào	Hồng Việt – Đông Hưng	10/1	
35	Hội làng Diệc	Tân Hoà, Vũ Thư	10/1	
36	Hội làng Việt Yên	Điệp Nông, Hưng Hà	10/1	
37	Hội làng Lão Khê	Tân Lễ, Hưng Hà	10/1	
38	Hội làng Tây	Phú Sơn, Hưng Hà	10/1	
39	Hội đền Thuận Nghĩa	Diêm Điền, Thái Thụy	11/11	
40	Hội Đình Xuân La	Quỳnh Xá, Quỳnh Phụ	15/1	
41	Hội chùa Hoang Sơn	Thụy Văn, Thái Thụy	15/1	Thờ Phật
42	Hội Lăng Quan Thái Bảo	Hồng Việt, Đông Hưng	15/1	
43	Hội đền Thánh Quận	Đông Thanh, Vũ Thư	15/1	Thờ quận công Nguyễn Hữu Phúc thời Lê
44	Hội chùa Vô Ngại	Dũng Nghĩa, Vũ Thư	15/1	
45	Hội Chùa Am	Vũ Hội, Vũ Thư	15/1	
46	Hội làng Lưu Xá	Canh Tân, Hưng Hà	15/1	
47	Hội làng Phương La	Thái Phương, Hưng Hà	15/1	
48	Hội làng Hú	Vũ Quý, Kiến Xương	15/1	Thờ thành hoàng
49	Hội làng Động Trung	Vũ Quý, Kiến Xương	15/1	
50	Hội đền Quan	Hoàng Diệu, TP Thái Bình	15/1	
51	Hội làng Bùi	Duyên Hải, Hưng Hà	15/1	
52	Hội chợ Chùa Nễ	Hoà Bình, Vũ Thư	2/1	Thờ Phật
53	Hội Đình Trà Khê	Hoà Bình, Vũ Thư	12/1	
54	Hội đình Tăng Bồng	Tân Lập, Vũ Thư	15/1 hoặc 10/2	Thờ Quế Hoa, nữ tướng thời Hai Bà Trưng

HỘI THÁNG 2

55	Hội miếu hai thôn	Xuân Hoà, Vũ Thư	10/2	Thờ Linh Từ Thái Hậu Đỗ Thị Khương
56	Hội Đình Phương Cáp	Hiệp Hoà, Vũ Thư	10/2	
57	Hội làng Tiên Phong	Bình Lãng, Hưng Hà	10/2	Tế lễ Thành Hoàng
58	Hội làng Mỹ Thịnh	Tây Đô, Hưng Hà	10/2	Tế lễ Thành Hoàng
59	Hội làng Khả	Duyên Hải, Hưng Hà	10/2	Tế lễ Thành Hoàng
60	Hội làng Thượng Phúc	Văn Lang, Hưng Hà	10/2	
61	Hội làng Tây Xuyên	Phú Sơn, Hưng Hà	10/2	
62	Hội chùa Phú Lạc	Phú Xuân, TP Thái Bình	10/2 hoặc 01/2	
63	Hội đình An Cỗ	Phú Thuy, Thái Thuy	10/2	
64	Hội làng Long Bối	Đông Hợp, Đông Hưng	14/2 hoặc 04/2	Tế lễ Thành Hoàng
65	Hội làng Đông Linh	An Bài, Quỳnh Phụ	14/2	Thờ Phạm Khôi, Khai quốc thần công triều Lê
66	Hội làng Thượng Phúc	Quang Trung, Kiến Xương	15/2	Thờ Đông Hải Đại Vương (Đoàn Thượng)
67	Hội làng Bồng Điền	Tân Lập, Vũ Thư	14/2	Thờ Quế Hoa (Nữ tướng thời Hai Bà Trưng)
68	Hội làng Xương Đoài	Quang Trung, Kiến Xương	14/2 hoặc 03/1	
69	Hội làng Trà Xương Đông	Quang Trung, Kiến Xương	14/2	
70	Hội làng Khả Phú	Bình Thanh, Kiến Xương	14/2	
71	Hội làng Chuôn	Văn Lang, Hưng Hà	14/2	
72	Hội đình Bá Thôn	Hồng Việt, Đông Hưng	15/2	
73	Hội đình Vũ Xá	Đông Phong, Tiên Hải	18/2	
74	Hội làng Phú Thọ	Hồng Minh, Hưng Hà	15/2	
75	Hội làng Tống Thỏ	Đông Mỹ, Đông Hưng	20/2	Tế lễ Thành Hoàng
76	Hội đền Dèm	Thăng Long, Đông Hưng	20/2	
77	Hội miếu Thái Hoà	Đông Hoàng, Đông Hưng	20/2	
78	Hội miếu Kinh Hào	Đông Kinh, Đông Hưng	28/2	
79	Hội đình Các Đông	Thái Thượng, Thái Thuy	15/2	
80	Hội làng Hương Đường	Việt Hùng, Vũ Thư	28/2	Rước tế, thờ Quế Hoa (Nữ tướng thời Hai Bà Trưng)
81	Hội đình Nguyên Xá	An Hiệp, Quỳnh Phụ	09/2	
82	Hội làng Thái cao	Nam Bình, Kiến Xương	20/2	

HỘI THÁNG 3

83	Hội chùa Chành	Tân Bình, Vũ Thư	1/3	Lễ Phật
84	Hội Miếu Ba Thôn	Tây Lương, Tiền Hải	4/3	
85	Hội chùa Bò	Tp Thái Bình	7/3	Thờ Mẫu, Thờ Phật, Thờ tướng quân Trần Lâm với nhiều nghi thức đan xen
86	Hội Đền Hệ	Thụy Ninh, Thái Thụy	10/3	thờ Thủy Thần
87	Hội đền Cửa Lân	Đông Minh, Tiền Hải	10/3	Thờ thủy thần
88	Hội đền Châu Nhai	Nam Thanh, Tiền Hải	10/3	Tế Quan thầy
89	Hội đình Tổ	Tây Giang, Tiền Hải	10/3	Tế Thành hoàng và các vị tổ lập làng
90	Hội chùa Đường	Tây An, Tiền Hải	10/3	Lễ Phật
91	Hội đình Ngải Đông, Ngải Đoài	Bình Minh, Kiến Xương	10/3	Thờ công chúa đời vua Hùng thứ 17
92	Hội làng Cao Mại Nhân	Quang Hưng, Kiến Xương	10/3	
93	Hội đình Hiệp Lực	An Khê, Quỳnh Phụ	10/3	
94	Hội đình Vạn An	Bạch Đằng, Đông Hưng	10/3	
95	Hội đình Kim Lâu	Đông Kinh, Đông Hưng	10/3	
96	Hội đình Duyên Hà	Đông Kinh, Đông Hưng	10/3	
97	Hội đền Thân Thượng	Đông Cường, Đông Hưng	10/3	
98	Hội đền Tiến Trật	Đô Lương, Đông Hưng	10/3 hoặc 06/3	
99	Hội đền Nghè Cổ Dũng	Đông La, Đông Hưng	10/3	
100	Hội làng Chuỷ	Thị Trấn Hưng Hà	10/3	
101	Hội đền Đồng Tu	Thị Trấn Hưng Hà	10/3	
102	Hội làng Tịnh Thủy	Hồng Minh, Hưng Hà	10/3	
103	Hội đền Buộn	Tân Tiên, Hưng Hà	10/3	
104	Hội đền Đồng Hàn	Hồng Lĩnh, Hưng Hà	10/3	
105	Hội làng Mễ	Phú Sơn, Hưng Hà	10/3	
106	Hội đền Phú Hà	Tân Lễ, Hưng Hà	10/3	
107	Hội đền Hà Xá (làng Hà Xá 1)	Tân Lễ, Hưng Hà	10/3	
108	Hội đền Hà Xá (làng Hà Xá 2)	Tân Lễ, Hưng Hà	10/3	
109	Hội đền Bùi Xá	Tân Lễ, Hưng Hà	10/3 hoặc	

			10/8	
110	Hội làng Tân Hà	Tân Lễ, Hưng Hà	10/3	
111	Hội chùa Trùng Mạt	Tân Bình, Vũ Thư	10/3	
112	Hội Quán Đình	Đông Tiến, Quỳnh Phụ	11/3	
113	Hội đền Rậm	Hoà Bình, Kiến Xương	14/3	
114	Hội đình Đa Cốc	Nam Bình, Kiến Xương	14/3	
115	Hội đình Cao Mại Đài	Quang Trung, Kiến Xương	14/3	
116	Hội chùa Từ Vân	Bách Thuận, Vũ Thư	15/3	
117	Hội đền Tân La	Đoan Hùng, Hưng Hà	15/3 hoặc 10/3	
118	Hội làng Thượng Khu	Hồng An, Hưng Hà	19/3	
119	Hội đền La Vân	Quỳnh Hồng, Quỳnh Phụ	20/3	
120	Hội làng Phụng Công	Quỳnh Côi, Quỳnh Phụ	15/3	
121	Hội làng Lộng Khê	An Khê, Quỳnh Phụ	21/3	Thờ Dương Không Lộ và Lý Thường Kiệt
122	Hội Sáo Đền	Song An, Vũ Thư	24/3	Thờ Hoàng Thái Hậu Ngô Thị Ngọc Giao
123	Hội Đình Trung - Hậu Thượng	Bạch Đằng, Đông Hưng	25/3	Tục thờ Lý Bí và Hoàng Hậu Đỗ Thị Khương
124	Hội làng Đô Kỳ	Tây Đô, Hưng Hà	25/3	
125	Hội làng Vọng Lỗ	An Vũ, Quỳnh Phụ	28/3	
126	Hội Miếu Đông	Thái Hồng, Thái Thụy	10/3	
127	Hội đình Lai Vi	Quang Minh, Kiến Xương	13/3	
128	Hội đình Lai Thành	Quang Minh, Kiến Xương	18/3	
129	Hội Chùa Đông Vi	Đông La, Đông Hưng	10/3	Lễ Phật
130	Hội đình Đại Hoàng	Tây Lương, Tiền Hải	10/3	
131	Hội chùa La	Minh Quang, Vũ Thư	1/3 (06/1)	Lễ Phật

HỘI THÁNG 4

132	Hội Đền Đồng Xâm	Hồng Thái, Kiến Xương	01/4	Tục thờ Triệu Đà và tổ nghề chạm bạc Nguyễn Kim Lâu
133	Hội đình Phát Lộc	Thái Giang, Thái Thụy	01/4	
134	Hội đền họ Trần	Thái Giang, Thái Thụy	01/4	
135	Hội đền Đới	Đông Hải, Quỳnh Phụ	10/4	
136	Hội đình Chùa Gạch	Đông Xá, Đông Hưng	10/4	
137	Hội đền Lê Ngọc	Đông Dương, Đông Hưng	10/4	Tục thờ tướng quân Lê Ngọc
138	Hội đình Luật	Quang Lịch, Kiến Xương	10/4	

	Nội			
139	Hội làng Quang Lang	Thụy hải, Thái Thụy	13/4	Tục thờ Bà Chúa Muối
140	Hội làng Đông Phú	Độc Lập, Hưng Hà	14/4	
141	Hội làng Thanh Châu	Nam Thanh, Tiền Hải	14/4	
142	Hội Chùa Đọ	Đông Sơn, Đông Hưng	14/4	

HỘI THÁNG 5

143	Hội Chùa Tam Bảo	Nam Hồng, Tiền Hải	10/5	
144	Hội đình Bát Cáp	Bắc Hải, Tiền Hải	11/5	

HỘI THÁNG 6

145	Hội Chùa Đại An	Tự Tân, Vũ Thư	1/6	
146	Hội Chùa Quài	Thái Sơn, Thái Thụy	1/6	
147	Hội làng Phú Hiếu	Độc Lập, Hưng Hà	14/6	

HỘI THÁNG 7

148	Hội Miếu Ba Thôn	Thụy Hải, Thái Thụy	12/7	
149	Hội Đình Bình Trật	An bình, Kiến Xương	14/7	
150	Hội Đền Khánh Lai	Bình Lãng, Hưng Hà	15/7	

HỘI THÁNG 8

151	Hội Đền Ngọc Quế	Quỳnh Hoa, Quỳnh Phụ	8/8	
152	Hội Đình Vạn Đôn	Thụy Hồng, Thái Thụy	8/8	
153	Hội Làng An Khan	Tây An, Tiền Hải	8/8	
154	Hội Từ Giành	Thụy Văn, Thái Thụy	10/8	
155	Hội Đền Hạ Đồng	Thụy Sơn, Thái Thụy	10/8	
156	Hội Đền Lịch Bài	Vũ Hoà, Kiến Xương	10/8	
157	Hội Đình Thuần Túy	Đông La, Đông Hưng	10/8	
158	Hội Chùa Duyên Tục	Phú Lương, Đông Hưng	10/8	
159	Hội Đền Phương Bắc	Đông Sơn, Đông Hưng	10/8	
160	Hội Miếu Đài Vương	Minh Tân, Đông Hưng	10/8	
161	Hội Làng Vân Động	Phú Sơn, Hưng Hà	10/8	
162	Hội Làng Buộm	Phú Sơn, Hưng Hà	10/8	
163	Hội Làng Bùi Xá	Tân Lễ, Hưng Hà	10/8	
164	Hội Miếu Hoè Thị	Đồng Tiến, Quỳnh Phụ	12/8	
165	Hội Đền Năm Thôn	Quỳnh Sơn, Quỳnh Phụ	15/8	
166	Hội Làn Phụng Công	Quỳnh Hội, Quỳnh Phụ	15/8	
167	Hội Làng Tân Tri	Hồng Phong, Vũ Thư	15/8	

	Phong			
168	Hội Đình Chùa Bách Tính	Bách Thuận, Vũ Thư	15/8	
169	Hội Đình Dũng Suý	Dũng Nghĩa, Vũ Thư	15/8	
170	Hội Chùa An Thái	Vũ Đoài, Vũ Thư	15/8	
171	Hội Chùa Đông Đoài	Vũ Đoài, Vũ Thư	15/8	
172	Hội Đình Cả	Trần Lâm, Thị Xã Thái Bình	15/8	
173	Hội Chùa Thượng Hộ	Hồng Lý, Vũ Thư	15/8	
174	Hội Đền Nguyễn Công Chứ	Nam Chính, Tiền Hải	18/8	
175	Hội Đền Đồng Bằng	An Lễ, Quỳnh Phụ	20/8	
176	Hội Chùa Phúc Lâm	Thái Phúc, Thái Thụy	20/8	
177	Hội Đền Vũ Xá	An Đồng, Quỳnh Phụ	20/8	
178	Hội Đền Mai Diêm	Thụy Hà, Thái Thụy	20/8	
179	Hội Đền Gạo	An Thái, Quỳnh Phụ	20/8	
180	Hội Đình Vũ Xá	An Vũ, Quỳnh Phụ	20/8	
181	Hội Đền A Sào	Thuộc hai xã An Đồng, An Thái, Quỳnh Phụ	20/8	
182	Hội Đình Cổ Trai	Hồng Minh, Hưng Hà	10/8	
183	Hội Đình Đồng Hoà	Thụy Phong, Thái Thụy	14/8	
184	Hội Đình Động	Thụy Dương, Thái Thụy	10/8	
185	Hội Đình Kênh	Đông Xuân, Đông Hưng	2/8	
186	Hội Đền Thượng	Đông Phương, Đông Hưng		

HỘI THÁNG 9

187	Hội Đền Mộ Đạo	Vũ Bình, Kiến Xương	10/9	
188	Hội Làng Đại Trì	Vũ Tây, Kiến Xương	10/9	
189	Hội Đền Vô Hối	Thụy Thanh, Thái Thụy	10/9	
190	Hội Chùa Keo	Duy Nhất, Vũ Thư	13/9	
191	Hội Đền Côn Giang	Thái Hà, Thái Thụy	9/9	
192	Hội Chùa Hội Đồng	Tiền Đức, Hưng Hà	15/2&15/9	
193	Hội Đình Vũ Đông	Vũ Đông, Kiến Xương	20/9	

HỘI THÁNG 10

194	Miếu Đông	Bình Minh, Kiến Xương	1/10	
-----	-----------	-----------------------	------	--

HỘI THÁNG 11

195	Miếu Gai	Minh Lãng, Vũ Thư	15/11	
196	Đình Vũ Nghị	Thái Hưng, Thái Thụy	15/11	

HỘI THÁNG 12

197	Đình Tiểu Hoàng	Tây Sơn, Tiền Hải	15/12	
198	Hội Đình Tổ	Vân Trường, Tiền Hải	24/12	
199	Hội Đình Tuộc	Phú Lương, Đông Hưng	15/12	

MỘT SỐ LỄ HỘI LỚN ĐỀN NAY CHƯA KHÔI PHỤC ĐƯỢC

1	Hội Chợ Đình Gòi	Điệp Nông, Hưng Hà	2/1	
2	Hội Lơ Làng Cọi	Vũ Hội, Vũ Thư	3/1	Tục Thờ An Dương Vương và My Châu
3	Tụ lệ cá, làm cỗ cá trong hội làng Dương Xá	Tiến Đức, Vũ Thư	5/1	Tục Thờ Trần Nhật Hiệu
4	Hội Chợ Làng An Điện		10/1	
5	Hội thi Trò Nhời Pháo Đất	Thuộc cá xã An Châu, Phú Lương, Đô Lương, Mê Linh ngày nay của huyện Đông Hưng	Trung tuần tháng giêng	
6	Hội chơi trâu làng Vũ Lăng	Vũ Lăng, Tiền Hải	10/8	
7	Tục thi lợn lành hội làng Động Trung	Thuộc địa phận xã Vũ Quý và Vũ Trung, Kiến Xương	10/8	
8	Tục hát văn hội làng Bến	Đông Động, ông Hưng	9/1	

Nguồn: Sở VH TTDL Thái Bình

Phụ lục 5

DANH MỤC LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG ĐIỂN HÌNH CÓ GIÁ TRỊ DU LỊCH CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

TT	Tên lễ hội	Địa điểm	Thời gian
1	Hội Đền Trần (*)	Xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà	13 - 18/1 (Âm lịch)
2	Hội Đền A Sào (*)	Xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ	20 - 22/8 (Âm lịch)
3	Đền Đồng Bằng (*)	Xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ	20/8 (Âm lịch)
4	Đền Tiên La (*)	Xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà	16 - 18/3 (Âm lịch)
5	Lễ hội Quang Lang và tục múa ông Đùng bà Đà (*)	Xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy	14/4 (Âm lịch)
6	Chùa Keo	Xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư	4/1, 13- 15/9 (Âm lịch)
7	Đình Bồng Điền	Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư	14/2 (Âm lịch)
8	Đền Lộng Khê	Xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ	21/3 (Âm lịch)
9	Đền Đồng Xâm	Xã Hồng Thái, h.Kiến Xương	01/4 (Âm lịch)
10	Chùa Am	Xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương	02/09 (Âm lịch)
11	Hội Hới	Xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà	06/01 (Âm lịch)
12	Hội An Cốt	Xã Thụy An, huyện Thái Thụy	10/2 và 15/11(Âm lịch)
13	Hội làng Dương Xá	Xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà	5- 6 /1 (Âm lịch)
14	Hội Đền Hét	H. Thái Thụy	Từ 6 - 9/3 (Âm lịch)
15	Hội La Vân	Xã Quỳnh Hồng, h.Quỳnh Phụ	20 - 26/3 (Âm lịch)
16	Hội chùa Thiên Quý	Xã Đông Xuân, h. Đông Hưng	10/1 (Âm lịch)

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình

(*) Các lễ hội được công nhận di sản văn hóa cấp quốc gia.

Phụ lục 6

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN 2005 - 2010

Năm	Đơn vị	2005	2006	2007	2008	2009	2010
1. Khách du lịch							
Tổng lượng khách							
1.1. Khách quốc tế	Lượt	4100	5000	6000	6000	5500	5000
+ Mục đích chính	(100%)						
- Du lịch thuần túy	%	10	12	14	15,5	17	20
- Thương mại	%	15	16	16,5	19	21	25
- Thăm thân	%	50	45	48	47	42	40
- Mục đích khác	%	25	27	21,5	18,5	20	15
+ Phương tiện	(100%)						
- Đường bộ	%	100	100	100	100	100	100
1.2. Khách Nội địa	Lượt	209200	235000	285000	310000	394500	495000
+ Thị trường chính	(100%)						
- Hà Nội	%	15	18	18	17	20	21
- Các tỉnh Bắc Bộ	%	30	33	33	34	33,5	32
- Khách nội vùng	%	35	35	38	39	42	46
Duyên hải M.Trung	%	5	5	5	4	1,5	6
- TP. Hồ Chí Minh	%	10	7	2	3	2	4
- Các tỉnh Nam Bộ	%	5	2	2	3	1	3
+ Mục đích chính	(100%)						
- Du lịch thuần túy	%	5	6	10	12	15	18
- Thương mại	%	5	7	10	11	14	16
- Thăm thân	%	50	52	45	42	42	40
Mục đích khác	%	40	35	35	35	29	26
+ Phương tiện	(100%)						
- Đường bộ	%	100	100	100	100	100	100

Năm	Đơn vị	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng ngày khách	Ngày	244790	308000	368505	420480	461350	477300
Khách quốc tế	Ngày	4290	7500	11005	10980	11350	11800
Khách nội địa	Ngày	240500	300500	357500	409500	450000	465500
Ngày lưu trú TB							
Khách quốc tế	Ngày	1,3	1,5	1,8	1,8	2,06	2,36
Khách nội địa	Ngày	1,3	1,2	1,2	1,3	1,1	0,9
Chỉ tiêu TB/ngày							
Khách quốc tế	VNĐ/ngày	165000	190000	23000	225000	240000	310000
Khách nội địa	VNĐ/ngày	105000	140000	155000	165000	168000	18000
2. Doanh thu (*)		56	67	85	97	105	150
3. Lao động trong DL	Người	1900	2200	2612	2947	3401	3900
- ĐH và trên ĐH	%	3	3	4	4,5	4,5	5
- CĐ và T.học	%	20	22	25	25	27	27
- Công nhân	%	50	53	55	55,5	57	59
- LĐ khác	%	27	22	16	15	11,5	7

4. Cơ sở lưu trú	Cơ sở	62	73	78	95	104	115	121
+ Số lượng phòng	Phòng	1145	1200	1327	1422	1654	1857	1890
+ Số lượng giường	Giường							
+ Phân theo loại hình								
- Khách sạn	Buồng							571
- Nhà khách, nhà nghỉ	Buồng							1319
+ Phân theo sở hữu								
- Tư nhân	Buồng	60	71	76	93	102	113	119
- Cổ phần	Buồng	2	2	2	2	2	2	2
+ Phân theo quy mô								
- Dưới 10 buồng	Buồng							253
- Từ 10 -19 buồng	Buồng							827
- Từ 20- 99 buồng	Buồng							810
+ Phân theo hạng sao								
- 2 sao	“	2	2	2	3	3	3	4
- 1 sao	“	1	1	1	1	1	1	1
- Chưa xếp hạng	“							90

+ Số phòng họp, hội thảo	phòng	3	3	4	4	4	4	5
+Tiện nghi thể thao, vui chơi giải trí trong KS								
- Số bể bơi	Bể	1	1	1	1	1	1	1
- Sân tennis	Sân	0	0	0	0	0	0	0
- Phòng tập thể hình	Phòng							
- Tắm hơi	“	3	3	4	4	5	5	5
- Massage	“	3	3	4	4	5	5	5
- Vũ trường, karaoke	“	0	0	0	0	1	1	1
5. Cơ sở ăn uống								
- Trong khách sạn	Cơ sở/ghé	3	3	4	4	4	4	5
- Ngoài khách sạn	“	10	20	24	24	26	30	35

Nguồn: - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Bình

- TCDL (Quy hoạch Tổng thể phát triển du lịch vùng ĐBSH&DHĐB)

(*Chỉ tính doanh du lịch thuần túy (nếu tính theo cả các nguồn thu khác ngoài xã hội, năm 2005 đạt 124 tỷ đồng, năm 2010 đạt 194 tỷ đồng)

Phụ lục 7
DỰ BÁO CÁC PHƯƠNG ÁN SO SÁNH
(phương án thấp)

Dự báo khách du lịch Thái Bình đến năm 2030 (phương án thấp)

Với tốc độ tăng trưởng khách được tính toán như sau:

Giai đoạn 2016-2020: 8% đối với khách quốc tế và 12% đối với khách nội địa

Giai đoạn 2021-2025: 10% đối với khách quốc tế và 7% đối với khách nội địa

Giai đoạn 2026-2030: 9% đối với khách quốc tế và 6% đối với khách nội địa

Hạng mục		Đơn vị	2015(*)	2020	2025	2030
Tổng số lượt khách đến		Khách	530.000	734.800	1.037.900	1.392.900
Khách quốc tế		khách	6.000	9.200	20.200	30.900
Khách nội địa		khách	524.000	725.600	1.017.700	1.362.000
Tổng số lượt khách trong ngày, trong đó		khách	317.673	401.000	568.900	764.000
Khách quốc tế		khách	3.273	5.200	13.800	21.100
Khách nội địa		khách	314.400	395.800	555.100	742.900
Tổng số khách lưu trú, trong đó		khách	212.327	333.800	469.000	628.900
Khách quốc tế	Lượt khách	khách	2.727	4.000	6.400	9.800
	Ngày lưu trú trung bình	ngày	1,6	1,6	1,6	1,7
	Tổng số ngày khách	n/khách	4.364	6.400	10.240	16.660
Khách nội địa	Tổng số lượt khách	khách	209.600	329.800	462.600	619.100
	Ngày lưu trú trung bình	ngày	1,4	1,5	1,6	1,8
	Tổng số ngày khách	n/khách	293.440	494.700	740.160	1.114.380

Nguồn: - Viện NCPT Du lịch.

(*) Số liệu hiện trạng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình.

Phụ lục 8
DỰ BÁO CÁC PHƯƠNG ÁN SO SÁNH
(phương án cao)

Với tốc độ tăng trưởng khách được tính toán như sau:

Giai đoạn 2016-2020: 14% đối với khách quốc tế và 16% đối với khách nội địa

Giai đoạn 2021-2025: 15% đối với khách quốc tế và 11% đối với khách nội địa

Giai đoạn 2026-2030: 13% đối với khách quốc tế và 10% đối với khách nội địa

Hạng mục		Đơn vị	2015(*)	2020	2025	2030
Tổng số lượt khách đến		Khách	530.000	1.038.000	1.751.300	2.826.000
Khách quốc tế		khách	6.000	13.300	24.600	45.300
Khách nội địa		khách	524.000	1.024.700	1.726.700	2.780.700
Tổng số lượt khách trong ngày, trong đó		khách	317.673	653.200	1.101.100	1.776.400
Khách quốc tế		khách	3.273	8.000	13.900	25.600
Khách nội địa		khách	314.400	645.200	1.087.200	1.750.800
<i>Tổng số khách lưu trú, trong đó</i>		khách	212.327	384.800	650.200	1.049.600
Khách quốc tế	Lượt khách	khách	2.727	5.300	10.700	19.700
	Ngày lưu trú trung bình	ngày	1,6	1,7	1,8	1,8
	Tổng số ngày khách	n/khách	4.364	9.010	19.260	35.460
Khách nội địa	Tổng số lượt khách	khách	209.600	379.500	639.500	1.029.900
	Ngày lưu trú trung bình	Ngày	1,4	1,5	1,6	1,8
	Tổng số ngày khách	n/khách	293.440	569.250	1.023.200	1.853.820

Nguồn: - Viện NCPT Du lịch.

() Số liệu hiện trạng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình.*

Phụ lục 9

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỌNG ĐIỂM DU LỊCH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2030

TT	Tên dự án	Địa điểm	Mục tiêu đầu tư	Giai đoạn đầu tư
1	Phát triển Điểm du lịch quốc gia Khu di tích đền thờ và lăng mộ các vua Trần	Huyện Hưng Hà	Phát triển Khu di tích thành điểm du lịch quốc gia theo định hướng của Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam. Đến năm 2020 thực sử đạt tiêu chí Điểm du lịch quốc gia.	Đến năm 2020
2	Phát triển chùa Keo thành điểm du lịch quốc gia	Huyện Vũ Thư	Phát triển Chùa Keo thành điểm du lịch quốc gia bổ sung vào Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam. Đến năm 2025 thực sử đạt tiêu chí Điểm du lịch quốc gia.	2021 - 2025
3	Phát triển Khu du lịch cộng đồng trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn gắn với văn minh lúa nước	TP. Thái Bình	Phát triển thành Khu du lịch cộng đồng trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn gắn với văn minh lúa nước sông Hồng	2018-2025: Hoàn thành; Sau năm 2025: nâng cao chất lượng dịch vụ.
4	Phát triển Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng biển Cồn Vành	Huyện Tiền Hải	Phát triển Cồn Vành thành khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển, vui chơi giải trí thể thao, thư giãn cuối tuần kết hợp với văn hóa ẩm thực	2018-2025: Cơ bản hoàn thành; Sau năm 2025 hoàn thiện và nâng cấp chất lượng dịch vụ
5	Phát triển Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng biển Cồn Đen	Huyện Thái Thụy	Phát triển Cồn Đen thành khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển, vui chơi giải trí thể thao, thư giãn cuối tuần kết hợp với văn hóa ẩm thực	2018-2025: Cơ bản hoàn thành; Sau năm 2025 hoàn thiện và nâng cấp chất lượng dịch vụ.
6	Phát triển Khu du lịch sinh thái Thụy Trường	Huyện Thái Thụy	Phát triển Thụy Trường thành khu du lịch sinh thái, vui chơi giải trí thể thao, khám phá kết hợp với văn hóa ẩm thực	2018-2025: Cơ bản hoàn thành; Sau năm 2025 hoàn

TT	Tên dự án	Địa điểm	Mục tiêu đầu tư	Giai đoạn đầu tư
				thiện và nâng cấp chất lượng dịch vụ.
7	Khu du lịch cộng đồng gắn với làng nghề Bách Thuận	Huyện Vũ Thư		2018-2025: Cơ bản hoàn thành; Sau năm 2025 hoàn thiện và nâng cấp chất lượng dịch vụ
8	Phát triển hệ thống khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí	Toàn Tỉnh	Phát triển hệ thống cơ sở lưu trú đủ về số lượng và nâng cao chất lượng theo nhu cầu từng giai đoạn phát triển của quy hoạch	Thực hiện trong suốt giai đoạn phát triển của quy hoạch (2017-2030)
9	Phát triển tuyến du lịch đường sông Trà Lý			
10	Phát triển tuyến du lịch tham quan, trải nghiệm làng nghề (Chạm bạc Đồng Xâm, đũi Nam Cao, mây tre đan Thượng Hiền, Làng Khuốc, thêu Minh Lãng, bánh cáy Nguyên Xá, chiếu Hới, đúc đồng An Lộng, thăm len Đại Đồng, đan mũ Tây An	Các làng nghề đặc trưng trên địa bàn tỉnh	Hình thành chương trình du lịch tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm làng nghề kết hợp mua bán các sản phẩm lưu niệm	Hoàn thiện trong giai đoạn 2017-2025
11	Chương trình phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Thái Bình		Phát triển nguồn nhân lực du lịch đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý và chất lượng đảm bảo nhu cầu theo từng giai đoạn phát triển của quy hoạch	Thực hiện trong suốt giai đoạn phát triển của quy hoạch (2017-2030)
12	Chương trình xúc tiến quảng bá du lịch tỉnh Thái Bình		Xúc tiến quảng bá để mở rộng thị trường và thu hút các nhà đầu tư, khách du lịch	Thực hiện trong suốt giai đoạn phát triển của quy hoạch (2017-2030)
13	Chương trình tôn tạo, mở rộng hệ thống di tích lịch sử văn hóa phục		Tôn tạo, phục hồi hệ thống di tích lịch sử văn hóa (kể cả các lễ hội truyền thống đặc trưng) phục vụ phát triển du lịch	2017 - 2025

TT	Tên dự án	Địa điểm	Mục tiêu đầu tư	Giai đoạn đầu tư
	vụ phát triển du lịch			
14	Phát triển bảo tàng Thái Bình kết hợp Khu vui chơi giải trí tổng hợp	TP. Thái Bình	Tham quan, tìm hiểu kết hợp vui chơi giải trí và văn hóa ẩm thực	Đến năm 2020
15	Đầu tư phát triển hạ tầng giao thông phục vụ phát triển du lịch	Trên địa bàn tỉnh theo các tuyến du lịch chính	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo môi trường, phát triển các trạm dừng chân, hệ thống dịch vụ theo các tuyến du lịch.	2017 - 2025

Nguồn: - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình
- Viện NCPT du lịch

Ghi chú: 1) Các dự án từ 1- 5 là những dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu, trong đó các dự án từ 1- 3 là ưu tiên nhất.

2) Tổng nhu cầu đầu tư đến năm 2030 khoảng 8.080 tỷ đồng, trong đó từ nay đến năm 2025 cần 4.350 tỷ đồng. Cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả ODA): Khoảng 810 tỷ đồng (tương đương 10%) tổng nhu cầu; trong đó từ nay đến năm 2025 cần khoảng 450 tỷ đồng.

Vốn ngân sách dùng để hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch (8%), xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu (0,5%), phát triển nguồn nhân lực và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ (0,5%), bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên, bảo vệ môi trường (1%).

- Khu vực tư nhân (kể cả FDI): Khoảng 7.270 tỷ đồng, tương đương 90%, trong đó giai đoạn từ nay đến năm 2025 cần khoảng 3.900 tỷ đồng. Nguồn vốn này tập trung đầu tư cho phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển sản phẩm du lịch, xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu. Lĩnh vực này, Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần trong xúc tiến quảng bá và phát triển thương hiệu du lịch tỉnh.